TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 -2022
V/v: " Tranh chấp ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Linh Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985

HKTT: Tổ 31, ấp P, xã L, huyện L, Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Trại tạm giam B – Bộ Công an, ấp 5, xã Phạm Văn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn***: Bà Trần Thị L, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 31, ấp P, xã L, huyện L, Đồng Nai.

(Anh H, chị L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, chung sống không hành phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh

và chị L chung sống đến đầu năm 2019 thì chị L đã bỏ đi nơi khác sống, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với chị L

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/3/2014.

Cháu Đ hiện Đg sinh sống cùng với anh từ tháng 5/2021, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung: Đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Anh Trần Văn H có đơn yêu cầ giải quyết vắng mặt.

Tại đơn đề nghị ngày 05 tháng 11 năm 2022 và đơn xin xét xử vắng mặt không ghi ngày tháng chị Trần Thị L trình bày : Chị có hộ khẩu thường trú tại : Tổ 31, khu 2, xã L, huyện L và có đăng ký tạm trú tại : Thôn Nam S, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình nhưng hiện nay chị đi làm ăn nơi khác không còn tạm trú ở địa chỉ trên nên đề nghị Tòa án căn cứ vào hộ khẩu thường trú của chị để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Chị và anh H là vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không chấm dứt được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay anh H xin ly hôn chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung : Có 01 con chung tên Trần Ngọc Linh Đ, sinh năm 2014. Chị đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn H.

Về con chung : Đề nghị giao cháu Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/3/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về nợ chung : Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn anh Trần Văn H và bị đơn chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H và chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L nên là hôn nhân hợp pháp.

Anh H xin ly hôn chị L, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đồng ý vì cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, từ năm 2019, anh H và chị L đã tự sống ly thân nhau, không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, anh H và chị L đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Trần Thị L.

[3] Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/3/2014, hiện anh H Đg nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được nuôi cháu Đ, chị L đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ. Hiện cháu Đ đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu Đ có nguyện vọng được sống với anh H. Vì vậy, giao cháu Đ cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là H toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh H nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xét..

[4] Tài sản chung : Anh H và chị L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 217, 218, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 ; Điều 56, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn H, xử cho anh H được ly hôn chị Trần Thị L

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/3/2014 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004532 ngày 03/08/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Anh Trần Văn H và chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của páp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
- UBND xã L, huyện L.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên